

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HSST

Ngày: 15/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tuyên;
2. Ông Lê Bá Tự.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2022/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/HSST-QĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn S, tên gọi khác: Th, Tr, sinh năm 1993, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Bóc Vác; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1968; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Thành N, sinh năm 1971; Trú tại: Khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Huỳnh Văn H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1964; bà Phạm Thị N, sinh năm 1966; Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn S thấy kho chứa vật liệu xây dựng T của ông Lê Thành N ở khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P thường xuyên khóa cửa và không có người trông coi

nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/3/2022 S mượn xe mô tô 03 bánh của ông Huỳnh Văn H trú thôn N, xã H, huyện P rồi điều khiển đi đến kho chứa vật liệu xây dựng của ông N để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến nơi, thấy cửa kho khóa và không có người trông coi, S nhặt 01 viên đá đập phá ổ khóa cửa rồi đột nhập vào bên trong lấy 28 cây sắt phi 10 và 08 cây sắt phi 12, mỗi cây đều dài 11,7m; và 01 cuộn dây điện hiệu CADIVI màu đỏ, loại 2.4, dài khoảng 100m, bỏ lên xe mô tô 03 bánh chở đến nhà của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D, bà Phạm Thị N trú thôn P, xã H, huyện P gửi nhờ toàn bộ số sắt và cuộn dây điện vừa trộm được rồi điều khiển xe đi về nhà. Ngày 20/3/2022, ông N phát hiện tài sản bị mất trộm của ông đang ở tại vườn nhà của vợ chồng ông D, bà N nên báo cáo Công an thị trấn P đến lập biên bản thu giữ 28 cây sắt phi 10 và 08 cây sắt phi 12, riêng cuộn dây điện không thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 01/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 28 cây sắt phi 10 mỗi cây dài 11,7m có giá 3.220.000 đồng; 08 cây sắt phi 12 mỗi cây dài 11,7m, có giá 1.080.000 đồng và 01 cuộn dây điện hiệu CADIVI màu đỏ loại 2.4 có giá 840.000 đồng. Tổng cộng 5.140.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Đang tạm giữ 01 xe mô tô ba bánh và 01 ổ khóa nhãn hiệu VIET-NHAT; đã trả lại cho chủ sở hữu 28 cây sắt phi 10 và 08 cây sắt phi 12.

Phản dân sự: Bị cáo Bùi Văn S đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Lê Thành N với số tiền là 1.800.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản cáo trạng và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSPH ngày 15/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Bùi Văn Sơn về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS)”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tranh luận và luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Văn S từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với hành vi của ông Huỳnh Văn H không biết Bùi Văn S mượn xe mô tô 03 bánh của mình để đi trộm cắp tài sản; Ông Nguyễn Ngọc D và bà Phạm Thị N không biết tài sản mà S gửi nhờ là do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý đối với ông H, ông D và bà N.

Về dân sự: Bị hại không yêu bồi thường nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS; Nghị quyết số 32/2007 ngày 29/6/2007 của Chính phủ và điểm c khoản 14 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô ba bánh vì là phương tiện cầm lưu hành và tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu VIET-NHAT vì không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt, xét thấy đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào Điều 292 BLTTHS tiếp tục xét xử.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/3/2022 tại thôn khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, Bùi Văn S có hành vi lén lút lấy trộm của ông Lê Thành N 28 cây sắt phi 10 và 08 cây sắt phi 12, mỗi cây dài 11,7m và 01 cuộn dây điện hiệu CADIVI, có tổng giá trị là 5.140.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ, nhân thân, hành vi phạm tội của bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Bị cáo là người có đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo đang làm thuê tại cửa hàng vật liệu xây dựng P tại thôn N, xã H, trong lúc giao hàng, quan sát thấy tài sản của ông Lê Thành N không có người quản lý, trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đến ngày 18/3/2022, lợi dụng trời tối, bị cáo một mình sử dụng phương tiện xe ba bánh đã chuẩn bị sẵn, đến kho vật liệu T để lén lút lấy trộm tài sản gồm 36 cây sắt và 01 cuộn dây điện, sau đó chở đến nhà ông D cất giấu với mục đích bán để kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo có sự quan sát từ trước, chuẩn bị công cụ, phương tiện và nơi cất giấu tài sản trộm cắp mà có được. Lẽ ra, bị cáo là thanh niên, có sức khỏe, phải

lao động kiếm sống, nhưng vì nhu cầu cần tiền tiêu xài cá nhân mà đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Do vậy, cần xử lý nghiêm để bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có thể tự cải tạo, giáo dục tốt, thỏa mãn các điều kiện quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên áp dụng thêm Điều 65 BLHS cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Đồng thời để bị cáo thấy được chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta mà có ý thức tự cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo, nên được áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 1.800.000 đồng cho bị hại (BL82), do làm mất cuộn dây điện CADIVI; riêng 36 cây sắt bị trộm, đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P trả lại cho bị hại (BL 68). Bị hại không có yêu cầu bồi thường, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Là 01 xe mô tô ba bánh hiệu LONCIN, không biển kiểm soát, sơn màu xanh, có số khung HKI003773, số máy LX162MKQC44484, đã tiến hành kiểm tra xác minh nhưng không tìm thấy nguồn gốc phương tiện (BL 63).

Căn cứ theo Khoản 18 Điều 3, Điều 53 Luật giao thông đường bộ và điểm c, khoản 14, Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, thì xe ba bánh được phân vào loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phải đủ đảm bảo an toàn về kỹ thuật, bắt buộc có đăng ký và gắn biển số do cơ quan Nhà nước cấp thì mới được phép lưu hành. Nếu vi phạm sẽ bị tịch thu phương tiện.

Xét thấy, vật chứng là tài sản của ông Huỳnh Văn H, không biết Bùi Văn S mượn xe để trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, tài sản này ông H không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, không đủ điều kiện để tham gia giao thông theo đúng quy định pháp luật, do vậy cần áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với vật chứng là 01 ổ khóa hiệu VIET-NHAT, đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Hòa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa ngày 15/6/2022).

Đối với vật chứng là cục đá dùng để phá ổ khóa kho chứa vật liệu xây dựng T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã cho truy tìm vật chứng nhưng không thấy (BL106), do vậy HĐXX không xem xét, xử lý là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của ông Huỳnh Văn H không biết Bùi Văn S mượn xe mô tô 03 bánh của mình để đi trộm cắp tài sản; ông Nguyễn Ngọc D và bà Phạm Thị N không biết tài sản mà S gửi nhờ là do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý đối với ông H, ông D và bà N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Các đề xuất của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định của HĐXX nên được xem xét chấp nhận. Đối với mức đề xuất phần hình phạt của bị cáo HĐXX sẽ xem xét, đánh giá phù hợp với tính chất, mức độ tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 47, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 106, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Khoản 18 Điều 3, Điều 53 Luật giao thông đường bộ và điểm c, khoản 14, Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Xử phạt: Bùi Văn S 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn S cho UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

3. Về vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu VIET-NHAT; tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô ba bánh hiệu LONCIN, không biển kiểm soát, sơn màu xanh, có số khung HKI003773, số máy LX162MKQC44484.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Hòa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa ngày 15/6/2022).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Chi cục THAHS huyện P;
- Cơ quan THAHS Công an huyện P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền